



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO

KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG X/2016



HÀ NỘI, THÁNG XI/2016

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 144 trạm khí tượng và khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần, tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn; nguyenson.imh@gmail.com

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG X/2016	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG X/2016.....	14
1. Đối với cây lúa	14
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	14
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, X, IX/2016	18
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	19
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO	19

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG X/2016

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng X/2016 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,5^{\circ}\text{C}$ đến $3,5^{\circ}\text{C}$) ngoại trừ một số khu vực thuộc Nam Bộ có nền nhiệt thấp hơn TBNN một ít (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 479mm đến 808mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -89 giờ đến 39 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -16% đến 7%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng X/2016 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

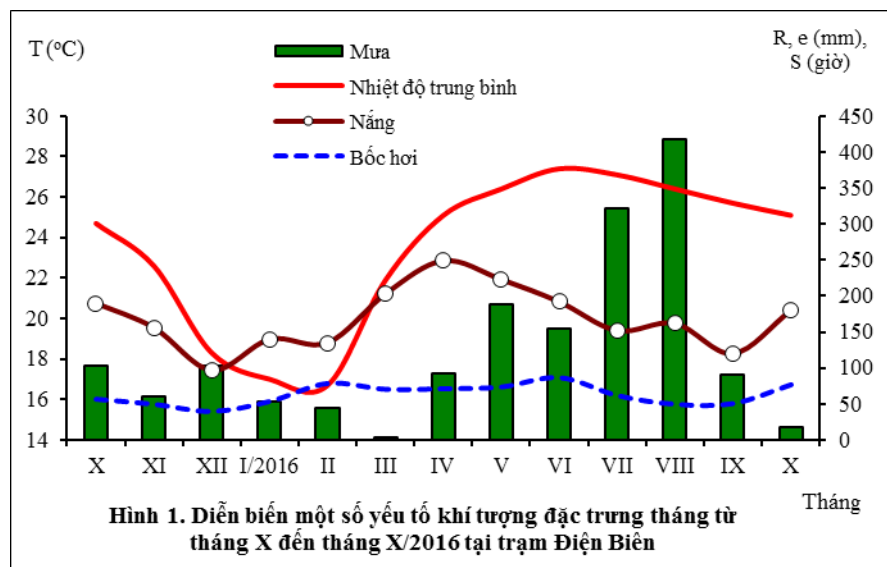
1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $1,5$ đến $3,3^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $18,8^{\circ}\text{C}$ đến $26,6^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $16,3^{\circ}\text{C}$ đến $23,9^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $13,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 14/X tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $23,7^{\circ}\text{C}$ đến $32,4^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $36,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 20/IX tại Yên Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng X/2015 đến tháng X/2016 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2016 tại trạm Điện Biên

- Tổng lượng mưa tháng X/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-173mm đến -28mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 5mm đến 121mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 41mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 13 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng X/2015 đến tháng X/2016 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng X/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -28 giờ đến 29 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 123 giờ đến 194 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng X/2016 dao động từ 70% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -13% đến 2%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 24% xảy ra vào ngày 7/X tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng X/2016 có giá trị phổ biến từ 42mm đến 116mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa từ -109mm đến 51mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 6mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 5 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 4 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng X/2016 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN (2,3⁰C đến 3,3⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 18,1⁰C đến 27,8⁰C;

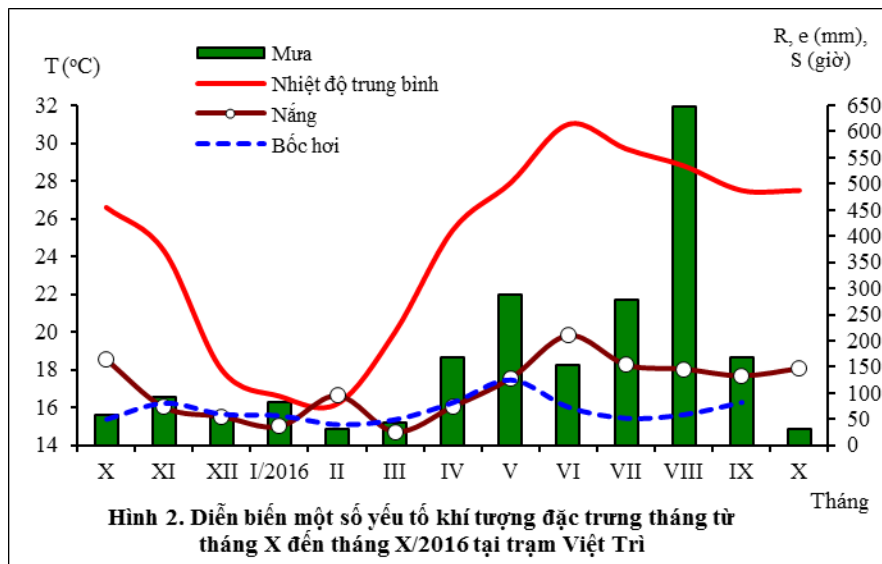
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,1⁰C đến 25,1⁰C, nhiệt

độ không khí thấp nhất là 13,5⁰C xảy ra vào ngày 31/X tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 21,2⁰C đến 32,0⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 358 xảy ra vào ngày 17/X tại Bắc Quang.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 6mm đến 116mm; Cao nhất là 198mm tại Lào Cai. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-318mm đến 66



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2016 tại trạm Việt Trì

mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng X/2015 đến tháng X/2016 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5mm đến 56mm, cao nhất là 130mm xảy ra vào ngày 24/X tại Lào Cai. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 7 - 23 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2016 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 108 giờ đến 193 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-28 giờ đến 26 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng X/2016 phổ biến từ 75 đến 86%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-6% đến 2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37%, xảy ra vào ngày 18/X tại Hà Giang.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 33mm đến 138mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-72mm đến 87mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 13mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 3

ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 5 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (1,9 đến 2,7⁰C); có giá trị dao động từ 22,9⁰C đến 27,6⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 28,3⁰C

đến 32,2⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 36,4⁰C xảy ra vào ngày 5/X tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 19,5⁰C đến 24,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,5⁰C xảy ra vào ngày 30/X tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liễn được thể hiện trên hình 3.

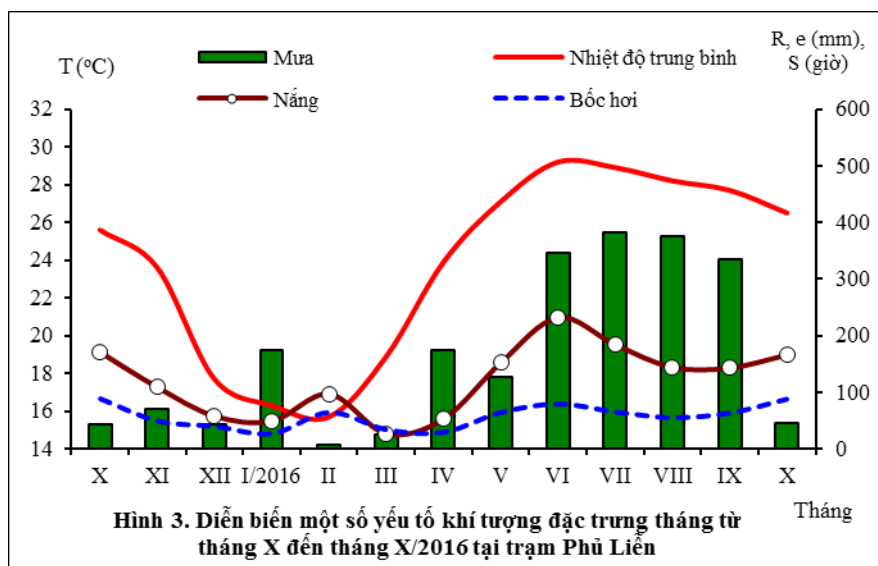
3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng X/2016 dao động phổ biến từ 22mm đến 136mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-110mm đến 36mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 11 đến 76mm, cao nhất 120 xảy ra ngày 25/X tại Bắc Giang.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 8 - 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 4 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng X/2016 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (- 41 giờ đến 39 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 132 giờ đến 221 giờ.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2016 tại trạm Phù Liễn

- Độ ẩm không khí trung bình tháng X/2016 ở các nơi dao động phổ biến từ 74 đến 85%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-5% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32% xảy ra vào ngày 6/X tại Cao Bằng.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 60mm đến 140mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-83mm đến 25mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 11mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 1 ngày với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 2 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

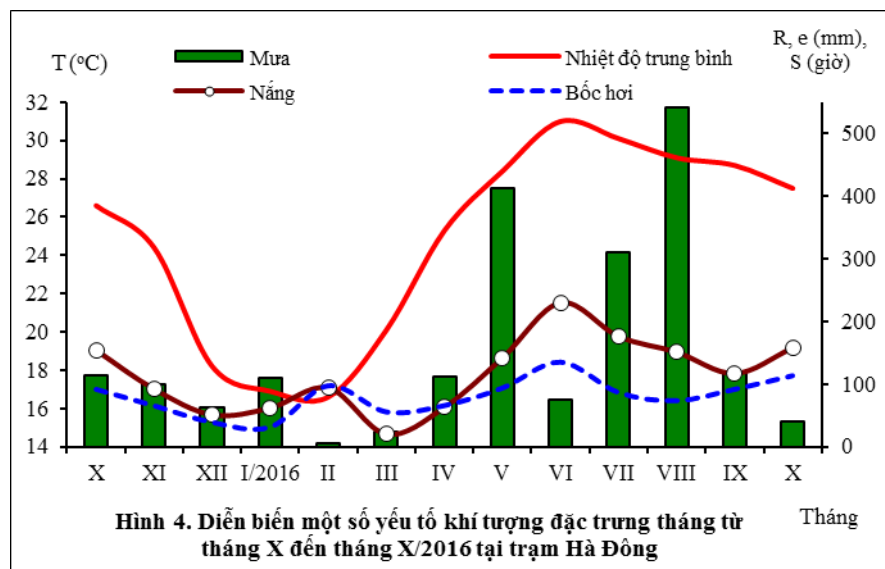
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 26,5⁰C đến 28,1⁰C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 1,9⁰C đến 3,5⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,1⁰C đến 32,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,6⁰C xảy ra vào ngày 27/X tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 23,8⁰C đến 25,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 19,5⁰C xảy ra vào ngày 31/X tại Hà Đông. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2016 tại trạm Hà Đông

TBNN từ (-175mm đến -70mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 40mm đến 94mm, cao nhất là 1344mm tại Thái Bình.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13 đến 51mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 14 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2016 ở các nơi trong vùng dao động từ 132 giờ đến 184 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -42 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 71% đến 84%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-11% đến -2%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 6/X tại Hà Đông.

- Lượng bốc hơi vùng đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 65mm đến 144mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 20mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -82mm đến 36mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện duy nhất 1 ngày tại Láng với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 4 ngày;

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,8⁰C đến 2,7⁰C) (hình 10) và có giá trị từ 25,6⁰C đến 26,8⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,8⁰C đến 31,1⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 36,1⁰C xảy ra vào ngày 22/X tại Cửa Rào.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,1⁰C đến 26,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 20,5⁰C xảy ra vào ngày 31/X tại Yên Định. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng X/2016, các giá trị tổng lượng mưa tháng ở các khu vực thuộc Nghệ An, Thanh Hóa dao động từ 81mm – 564mm còn khu vực thuộc Hà Tĩnh lượng mưa tháng trên 1000mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ

hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-147mm đến 625mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 31 đến 446mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 80 đến 153 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -54 giờ đến 10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ

83% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 48% xảy ra vào ngày 19/X tại Quỳnh Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 27mm đến 78mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-1228mm đến -10mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

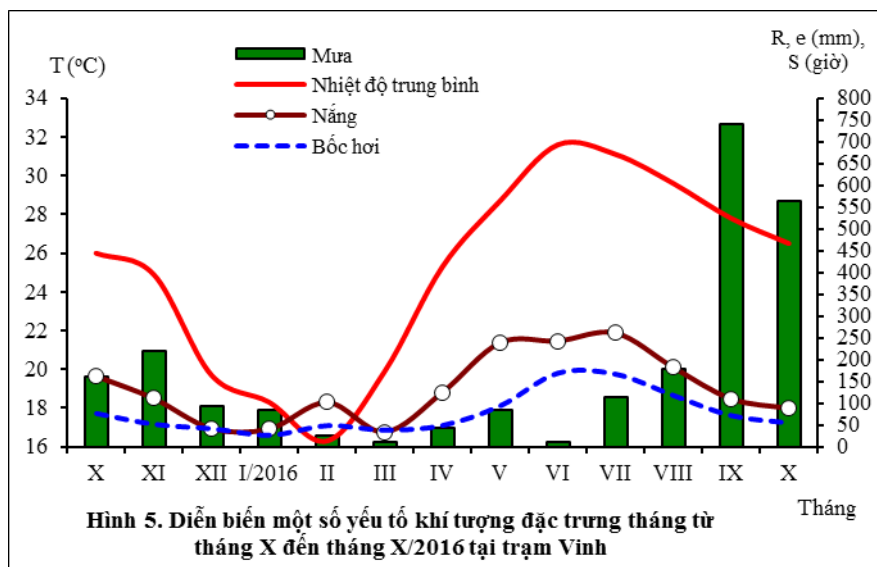
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 13 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2016 từ 23,3⁰C đến 27,5⁰C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (1,1⁰C đến 2,1⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 27,6⁰C đến 31,5⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 34,9⁰C xảy ra vào ngày 22/X tại Đông Hà.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2016 tại trạm Vinh

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,9⁰C đến 25,1⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 17,7⁰C xảy ra vào ngày 28/X tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng X/2016 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 374mm đến 1401mm. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-479mm đến 808mm).



- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 67mm đến 414mm, cao nhất là 747mm xảy ra vào ngày 14/X tại Đồng Hới.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 16 đến 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 7 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 87 giờ đến 148 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-40 giờ đến 15 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 83% đến 95%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -2% đến 5%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 56% xảy ra vào ngày 8/X tại Đồng Hới.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 30mm đến 67mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 4mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-1352mm đến -342mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 13 ngày.

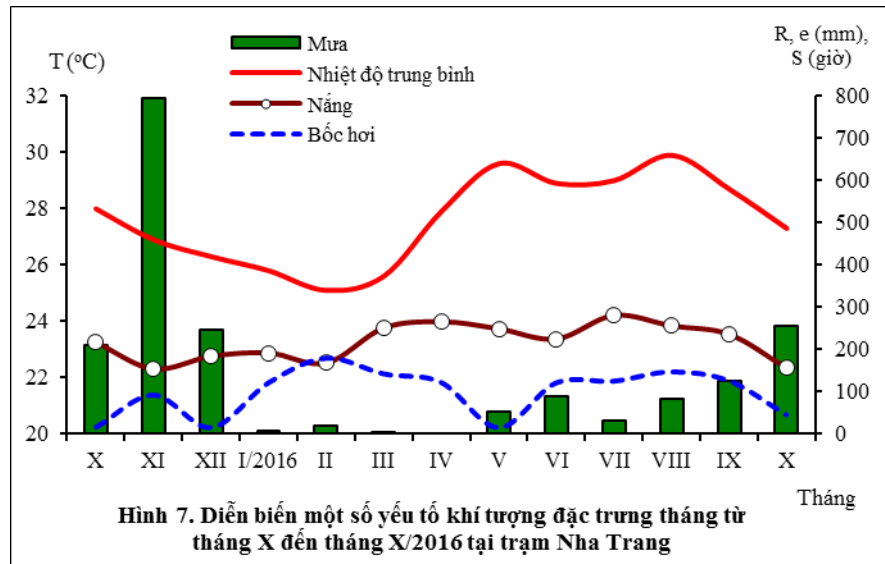
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2016 từ 26,8⁰C đến 28,1⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5 đến 1,5⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,2⁰C đến 31,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,9⁰C xảy ra vào ngày 22/X tại Phan Thiết.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,3⁰C đến 26,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,9⁰C, xảy ra vào ngày 7/X tại Hàm Tân. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2016 tại trạm Nha Trang

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng X/2016, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 198mm đến 422mm, cao nhất là 591mm tại Tuy Hòa. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -77mm đến 193mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 44mm đến 131mm. Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 19 đến 26 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 2 đến 3 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2016 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 146 giờ đến 177 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-62 giờ đến 12 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 82% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -1% đến 3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 51% xảy ra vào ngày 17/X tại Quy Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 44mm đến 91mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 6mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ

hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-530mm đến -210mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 8 đến 14 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2016 từ 19,0°C đến 26,9°C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6°C đến 1,8°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,2°C đến 30,8°C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,3°C xảy ra vào ngày 20/X tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,7°C đến 23,6°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,8°C xảy ra vào ngày 24/X tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

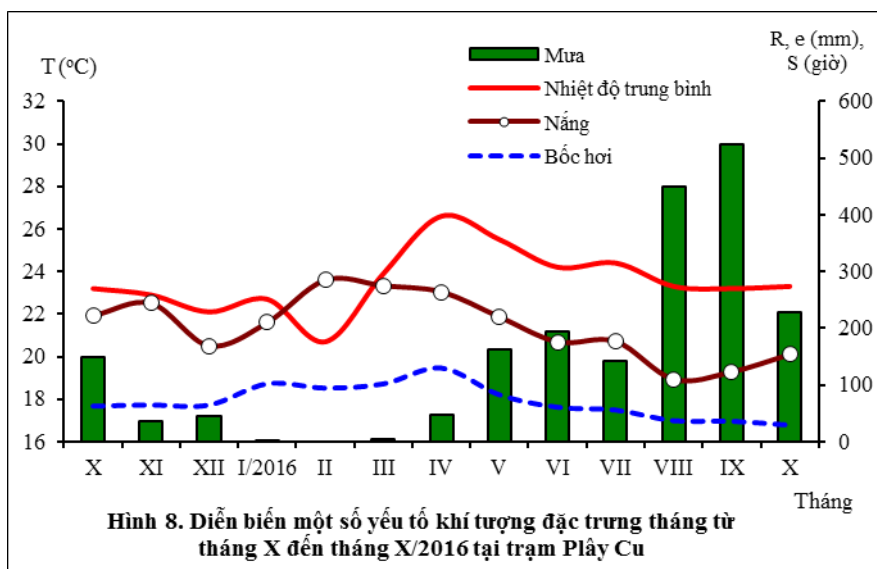
8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng X/2016 dao động từ 117mm đến 378mm, cao nhất là 454mm tại An Khê, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -87mm đến 126mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 30mm đến 91mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 17 đến 29 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 19 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 9 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2016 phổ biến từ 94 giờ đến 162 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-55 giờ đến -25 giờ) (hình 12).



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2016 tại trạm Plây Cu

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 1% đến 3%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 82% đến 91%; độ ẩm không khí thấp nhất là 51% xảy ra vào ngày 28/X tại Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 27mm đến 81mm, cao nhất là 128mm tại An Khê. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-381mm đến -63mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

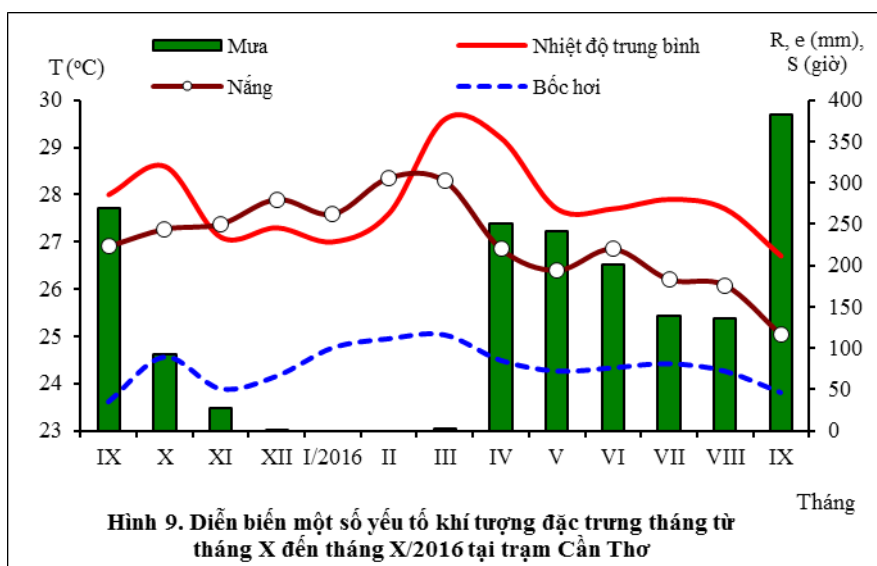
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 25 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng X/2016 từ 25,7⁰C đến 28,0⁰C, phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,5⁰C đến 1,0⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,8⁰C đến 32,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,8⁰C xảy ra vào ngày 27/X tại Biên Hòa.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng X đến tháng X/2016 tại trạm Cần Thơ

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,4⁰C đến 25,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,3⁰C xảy ra vào ngày 7/X tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng X/2016 dao động phổ biến từ 265mm đến 650mm; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-26 giờ đến 322 giờ).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 41mm đến 168mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 25 đến 31 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 8 đến 31 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng X/2016 phổ biến từ 71 giờ đến 164 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-89 giờ đến -42 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 69% đến 90%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-16% đến 7%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 46% xảy ra vào ngày 27/X tại Biên Hòa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 37mm đến 66mm, (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-568mm đến -202mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 21 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG X/2016

Trong tháng X/2016, điều kiện khí tượng nông nghiệp ở hầu hết các vùng trong cả nước tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Ở Miền Bắc, nền nhiệt, số giờ nắng cao thuận lợi thu hoạch lúa mùa và chuẩn bị đất cho cây vụ đông. Tháng X là tháng mưa cao điểm ở các tỉnh Miền Trung, lượng mưa và số ngày mưa tăng đáng kể gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh phía Nam do ảnh hưởng của triều cường và xâm nhập mặn đã làm nhiều diện tích lúa mùa ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ bị ngập úng.

Trong tháng, hoạt động trồng trọt ở các tỉnh phía Bắc tập trung vào việc thu hoạch lúa mùa và gieo trồng các loại cây màu vụ đông; Tại các tỉnh phía Nam tập trung vào việc chăm sóc lúa mùa và thu hoạch lúa thu đông. Tính đến cuối tháng X, các tỉnh phía Bắc đã thu hoạch ước đạt 947 ngàn ha lúa mùa, chiếm 84% diện tích gieo cấy, năng suất lúa mùa ước trên diện tích thu hoạch tương đương cùng kỳ năm trước, đạt 50,2 tạ/ha do thời tiết năm nay không thuận lợi, nắng hạn, ngập úng do mưa bão, sản lượng ước tính đạt 5,78 triệu tấn giảm khoảng 70 nghìn tấn so với cùng kỳ năm trước. Các tỉnh miền Nam đang tiếp tục gieo cấy, tính đến cuối tháng X diện tích gieo cấy đạt 661,2 ngàn ha, tiến độ gieo cấy bằng 96,2% so với cùng kỳ năm trước.

1. Đối với cây lúa

+ Lúa mùa: Tính đến cuối tháng 10, diện tích thu hoạch lúa mùa tại các tỉnh phía Bắc ước đạt 947 ngàn ha, chiếm 84% diện tích gieo cấy, trong đó: Đồng

bằng sông Hồng đã thu hoạch được 493 ngàn ha, chiếm 90% diện tích gieo cấy. Do lo ngại ảnh hưởng của mưa bão cuối mùa nên các địa phương đều chủ động thu hoạch lúa mùa sớm; một số tỉnh như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Phú Thọ đã thu hoạch toàn bộ diện tích lúa mùa.

Theo báo cáo sơ bộ của các địa phương phía Bắc, năng suất lúa mùa ước trên diện tích thu hoạch tương đương cùng kỳ năm trước, đạt 50,2 tạ/ha do thời tiết năm nay không thuận lợi, nắng hạn, ngập úng do mưa bão, sản lượng ước tính đạt 5,78 triệu tấn giảm khoảng 70 nghìn tấn so với cùng kỳ năm trước.

Các tỉnh miền Nam đang tiếp tục gieo cấy, tính đến trung tuần tháng 10 diện tích gieo cấy đạt 661,2 ngàn ha, tiến độ gieo cấy bằng 96,2% so với cùng kỳ năm trước, do thời tiết không thuận lợi, ảnh hưởng của nắng hạn kéo dài, cộng với việc mùa mưa 2016 đến muộn, lượng mưa ít không thể rửa hết mặn, độ mặn trên đất nuôi tôm còn khá cao, người dân gặp khó khăn trong việc gieo sạ, xuống giống.

+ Lúa thu đông: Tính đến cuối tháng 10, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống đạt 701,3 ngàn ha lúa thu đông, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước do các địa phương đã chủ động mở rộng diện tích ở những vùng có đê bao. Toàn vùng hiện đã thu hoạch ước đạt 393,4 ngàn ha, đạt 56% diện tích xuống giống. Ước tính năng suất lúa trên diện tích cho thu hoạch đạt 54,1 tạ/ha, tăng 0,9 tạ/ha so cùng kỳ. Hiện nay bà con nông dân đang khẩn trương thu hoạch những diện tích lúa còn lại, đảm bảo đủ thời gian vệ sinh đồng ruộng, tránh dịch bệnh lây lan; đồng thời rà soát diện tích trồng lúa giống của từng địa phương, từng bước chủ động nguồn giống, đảm bảo nguồn lúa giống chất lượng cao cho niên vụ sản xuất tiếp theo

Trong tháng X, thiên tai đã gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất nông nghiệp ở nhiều khu vực trong cả nước: Tính chung 10 tháng năm 2016, thiên tai đã làm 234,7 nghìn ha lúa, 73,6 nghìn ha hoa màu, 120,1 nghìn ha cây lâm nghiệp, cây ăn quả và 30,1 nghìn ha diện tích nuôi trồng thủy sản bị ngập, hư hỏng; 54,6 nghìn con gia súc, 917,2 nghìn gia cầm và hơn 1 nghìn tấn thủy sản bị chết.

Đặc biệt, vào trung tuần tháng 10 tại các tỉnh miền Trung đã xảy ra đợt lũ lụt lịch sử, gây hậu quả nghiêm trọng tới sản xuất và đời sống của nhân dân. Theo báo cáo sơ bộ đã có 3,4 nghìn ha lúa và 12,9 nghìn ha hoa màu bị ngập, hư hỏng.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng X/2016

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	Kém	TB	
2		Điện Biên	Chuyển vụ			
3		Văn Chấn	Chuyển vụ			
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè chín hoàn toàn			
5	Đông Bắc	Uông Bí	Thu hoạch lúa mùa			
6		Lạng Sơn	Lúa mùa trở bông	TB	3cm	
7		Bắc Giang	Thu hoạch lúa mùa			
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn búp hái	TB	TB	
9		Ba Vì	Chè lớn ngừng sinh trưởng			
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Thu hoạch lúa mùa			
11		Hoài Đức	Lúa mùa chắc xanh	Kém		Bạc lá 41-50% trương đối nặng
			Cam ra lá mới	TB		
			Ngô phun râu	Khá		
12		Hải Dương	- Thu hoạch lúa mùa - Khoai lang ra nhánh	Khá	TB	
13		Hung Yên				
14		Nam Định	Chuyển vụ			
15		Ninh Bình	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	Quá ẩm	
16		Thái Bình	Chuyển vụ			
17		Bắc Trung Bộ	Yên Định	Thu hoạch lạc		
18	Thanh Hoá		Chuyển vụ			
19	Quỳnh Lưu		Chuyển vụ			
20	Đô Lương		Chuyển vụ			
21	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Chuyển vụ			
22		An Nhơn	Chuyển vụ			
23	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê quả chín	Tốt	ẩm	
24	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê quả chín	TB	Quá ẩm	
25		Trà Nóc	Chuyển vụ			
26		Mỹ Tho	Lúa mùa trở bông	TB	3 cm	
27		Bạc Liêu	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3 cm	Ốc bươu vàng 21-30%

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Tiến độ gieo trồng một số cây vụ đông năm nay chậm hơn cùng kỳ năm

trước do ảnh hưởng của cơn bão số 7 gây mưa to đúng vào thời điểm chuẩn bị thu hoạch lúa mùa và trồng cây vụ đông. Tính đến cuối tháng, diện tích gieo trồng ngô vụ đông đạt 98,3 nghìn ha, bằng 98,3%; khoai lang đạt 16,6 nghìn ha, bằng 98,7%; đậu tương đạt 17,5 nghìn ha, bằng 79,1%; rau đậu đạt 69,5 nghìn ha, bằng 96,9% cùng kỳ, riêng gieo trồng lạc đạt 6,1 nghìn ha, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước

Quan trắc cho thấy chè lớn nảy chồi ở Mộc Châu đang trong trạng thái sinh trưởng kém; chè lớn búp hái ở Phú Hộ sinh trưởng trung bình; còn ở Ba Vì chè lớn ngừng sinh trưởng.

Ở đồng bằng Bắc Bộ: Hai đợt ngô đều đang phun râu, trạng thái sinh trưởng khá. Cam đang ra lá mới, sinh trưởng trung bình.

Ở Bắc Trung Bộ lạc đã thu hoạch và sản xuất nông nghiệp đang trong thời kỳ chuyển vụ.

Ở Tây Nguyên và Xuân Lộc cà phê trong giai đoạn quả chín, trạng thái sinh trưởng từ trung bình đến tốt.

3. Tình hình chăn nuôi:

Chăn nuôi trâu, bò: Đàn trâu, bò có xu hướng hồi phục do nguồn thức ăn tự nhiên dồi dào. Theo số liệu của TCTK, so với cùng kỳ năm 2015 ước tính tổng số trâu cả nước giảm 1%; tổng số bò tăng 2-2,5%.

Chăn nuôi lợn: Đàn lợn phát triển tương đối ổn định do dịch bệnh không xảy ra và quy mô nuôi theo hình thức gia trại, trang trại đang phát triển. Theo số liệu của TCTK, ước tính tổng số lợn của cả nước tăng 3,7 - 4% so với cùng kỳ năm 2015.

Chăn nuôi gia cầm: Đàn gia cầm phát triển tốt. Ước tính tổng số gia cầm của cả nước tăng 4,5 - 5% so với cùng kỳ năm 2015

4. Tình hình sâu bệnh

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật, tháng X hầu hết các dịch bệnh trên lúa đều có dấu hiệu giảm so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên tại các tỉnh Bắc B và ĐBSCL vẫn rải rác phát sinh tăng một số dịch so với cùng kỳ như: sâu cuốn lá nhỏ, khô vằn và bạc lá hại lúa.

Chi tiết một số sâu bệnh chính gây hại trên lúa trong tháng như sau:

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 14.989 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 1001 ha. Tập trung chủ yếu tại Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 178.647 ha, diện tích nhiễm nặng 135.309 ha.

- Đạo ôn lá hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 14.387 ha, diện tích nhiễm nặng 22 ha

- Đạo ôn cổ bông hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 6.435 ha, diện tích nhiễm nặng 190 ha, mất trắng 49,6 ha tại tỉnh Bắc Kạn.

- Chuột: Tổng diện tích hại 8.105 ha, diện tích nhiễm nặng 398 ha, mất trắng 45 ha (Hải Phòng 35 ha, Ninh Bình 5 ha, Bắc Ninh 4 ha, Hà Tĩnh 1 ha). Chuột hại tại các tỉnh Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 59.060 ha, diện tích nhiễm nặng 12.590 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Bắc Bộ

- Khô vằn: Bệnh xuất hiện ở các tỉnh Phía Bắc với tổng diện tích 155.786 ha, diện tích nhiễm nặng 15.426ha.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 11.389 ha, diện tích nhiễm nặng 248 ha tập trung tại Phía Bắc, Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Bệnh lùn sọc đen: dịch hại ở Nghệ An với diện tích 1,5 ha; nặng 0,4 ha tỷ lệ bệnh nơi cao 10 - 20 %, cục bộ >50%.

- Sâu đục thân: Tổng diện tích nhiễm sâu non 1.436,8 ha, diện tích nhiễm nặng 47,2 ha, diện tích mất trắng 0,6 ha tại tỉnh Bắc Kạn. Sâu hại rải rác cả nước.

- Ốc bươu vàng hại lúa với diện tích 9.455 ha, dịch tập trung chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Vàng lá hại rải rác ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 1.044 ha,

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG XI, XII/2016, I/2017

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ mùa XI/2016-I/2017 có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 0,5 đến hơn 1,5oC ở hầu hết các diện tích cả nước.

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa XI/2016-I/2017 có khả năng ở mức thấp hơn đến xấp xỉ TBNN ở phía Bắc (từ Quảng Trị trở ra), từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phía

Nam

3.3. Hiện tượng cực đoan

- Xoáy thuận nhiệt đới: Số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta ở mức xấp xỉ TBNN.

- Không khí lạnh: Số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN.

- Mưa lớn: Trong các tháng cuối năm 2016 nhiều khả năng xuất hiện các đợt mưa lớn do ảnh hưởng của KKL kết hợp với XTNĐ;

- Khô hạn: Các khu vực Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ cần đề phòng khả năng thiếu nước và khô hạn trong mùa đông xuân 2016/2017

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IX và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng XI-XII/2016, I/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Trong những tháng tiếp theo, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có biện pháp đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

- Phòng trừ sâu bệnh trên lúa mùa

2. Miền Nam

- Các tỉnh Miền Trung tập trung khắc phục hậu quả của đợt mưa lớn

- Do mưa nhiều ở các tỉnh Nam Bộ, gây khó khăn cho thu hoạch lúa hè thu, các địa phương trong vùng cần tranh thủ thời gian khô ráo để thu hoạch lúa hè thu và có biện pháp thoát nước, phòng sâu bệnh cho trà lúa hè thu đang trong giai đoạn mọc dón, ngâm sữa.

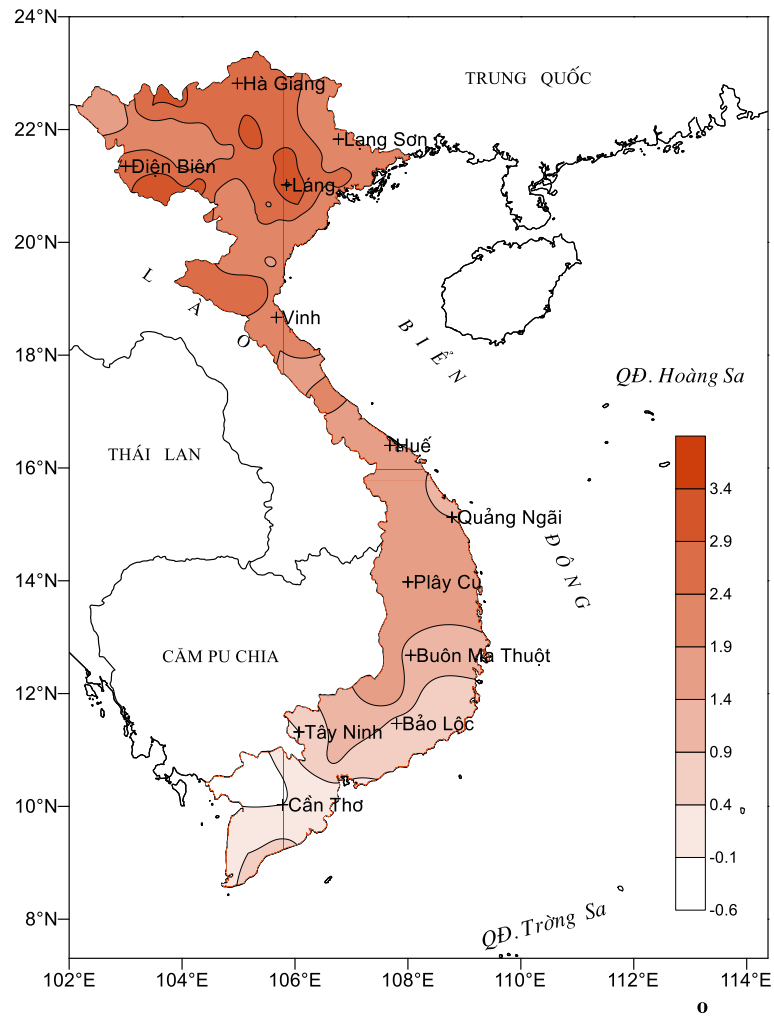
- Tích cực chủ động các biện pháp giảm tác hại của mưa lớn đối với các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

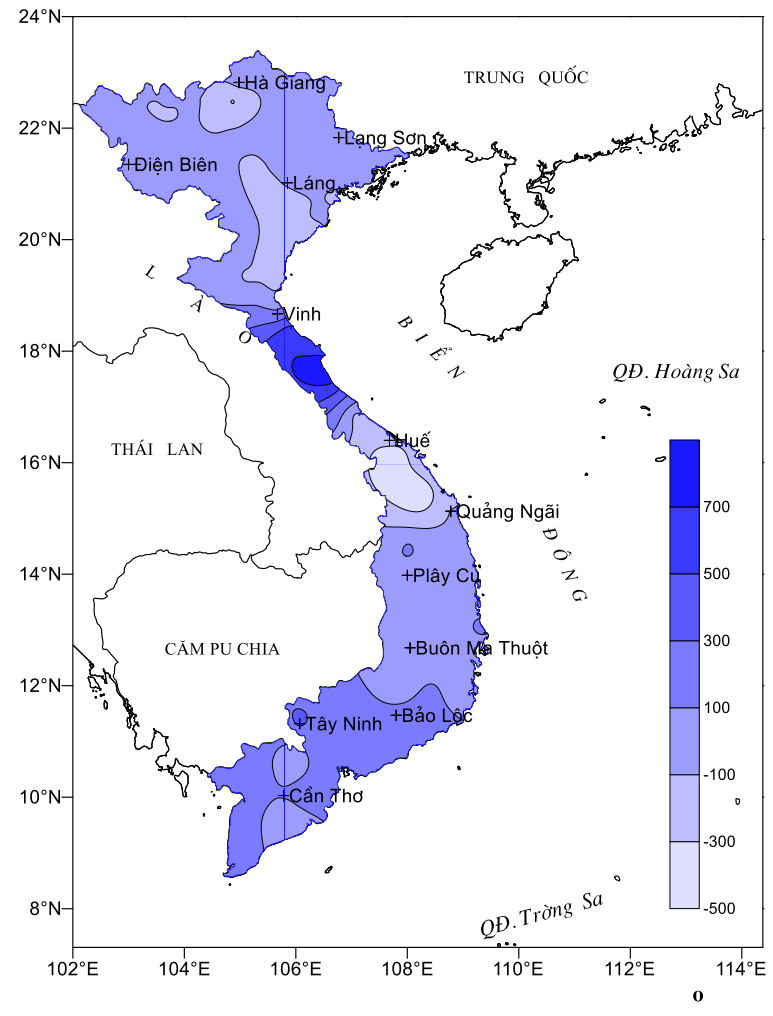
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng XI-XII/2016, I/2017;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng XI năm 2016 các khu vực trên phạm vi cả nước;

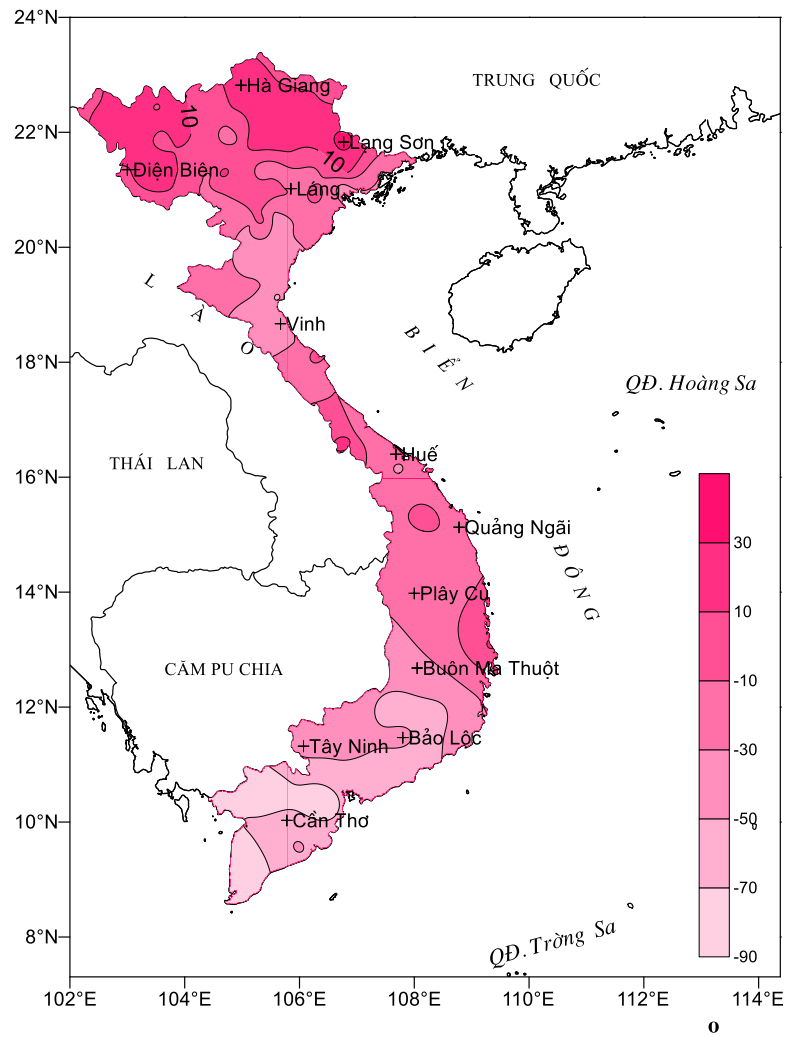
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng X năm 2016 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



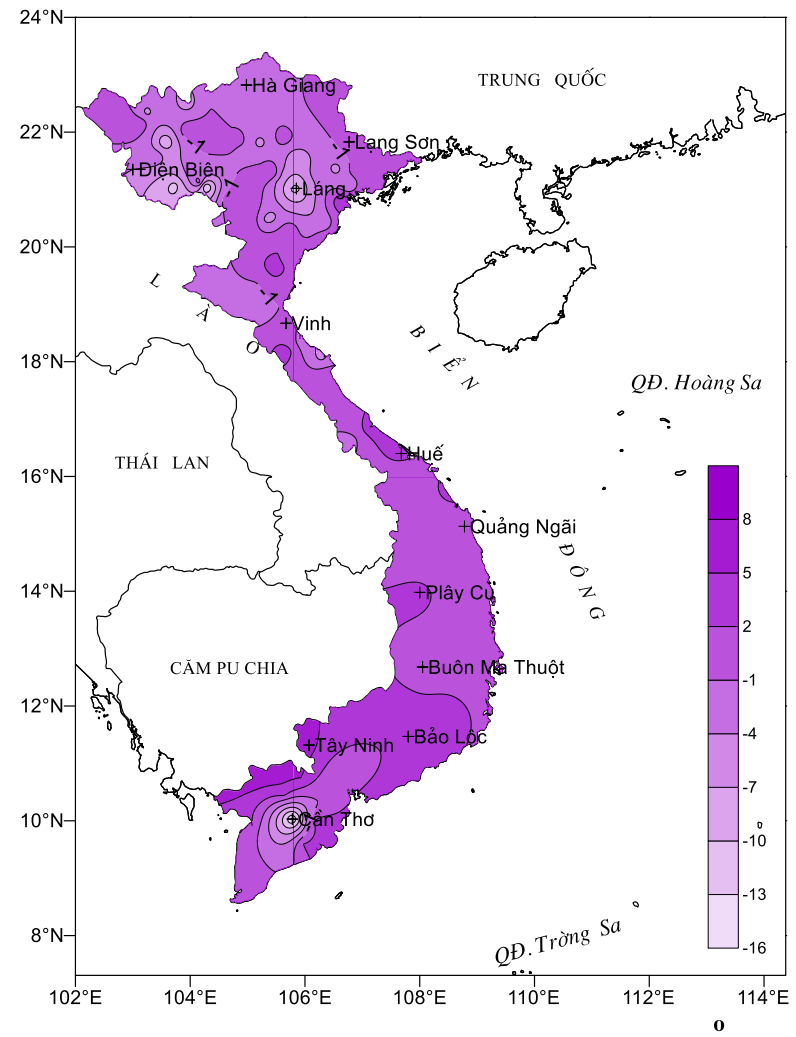
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng X/2016 so với TBNN (°C)



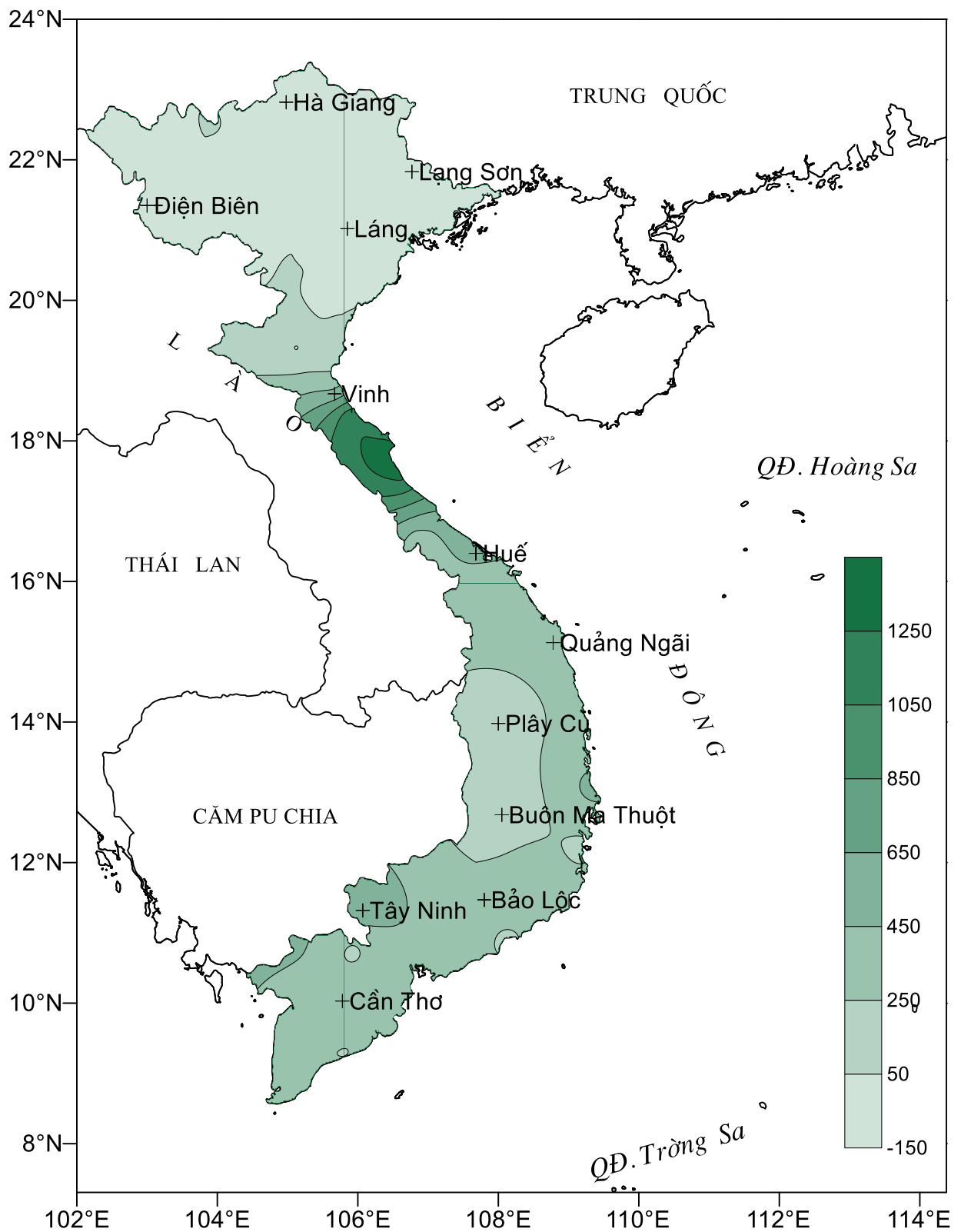
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng X/2016 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng X/2016 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng X/2016 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng X/2016 (mm)